TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11- 6-2018
V/v "Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Huyến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Mộng Lành**
2. **Ông Trần Oai**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đen, cán bộ Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Đại điện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 282/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2017 về việc: "Xin ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2018/QĐST-DS, ngày 02 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên toà số 26/2018/QĐST – HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Q sinh năm 1984 (có mặt)
Địa chỉ: ấp Ng B, xã TYA, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.
2. Bị đơn: Anh Lữ Minh H, sinh năm 1982 (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Ng B, xã TYA, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2017 và các lời khai khác tại Tòa án, nguyên đơn Chị Trần Thị Q trình bày: Chị và anh Hchung sống với nhau vào năm 2006, trước khi chung sống chị và anh Hcó tìm hiểu, yêu thương nhau và được hai bên cha mẹ tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương. Sau đó, chị và anh Hđăng ký kết hôn với nhau vào ngày 17/4/2009 tại UBND xã TYA, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là anh Hthường xuyên ghen tuông vô cứ và dùng những lời lẽ thô tục xúc phạm đến chị, chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh Hkhông nghe nên từ đó vợ chồng đã ly thân nhau. Từ khi ly thân đến nay, không ai quan

tâm gì đến ai, nạnh ai nấy sống. Nay chị xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Hkhông thể nào hàn gắn với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Hậu.

Về con chung: Vợ chồng có người hai con chung, tên Lữ Ngọc H, sinh ngày 19/11/2008 và Lữ Gia B, sinh ngày 22/9/2014, hiện nay hai cháu đang chung sống với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con là cháu Hvà cháu B. Chị không yêu cầu anh Hcấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ người khác và người khác nợ vợ chồng: Không có.

Tại phiên tòa Chị Trần Thị Q vẫn giữ nguyên lời trình bà và yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Lữu Minh Hậu.

Về quan hệ con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lữ Ngọc H, sinh ngày 19/11/2008 và Lữ Gia B, sinh ngày 22/9/2014. Chị không yêu cầu anh Hcấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lữ Minh H mặc dù được Toà án tống đạt các thủ tục thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như quyết định hoãn phiên toà nhưng anh vẫn vắng mặt xuyên xuốt trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử, xử vắng mặt bị đơn anh Lữ Minh H.

Tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, gồm: giấy chứng minh nhân dân (bản photo); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự; giấy khai sinh của cháu Hvà Bảo;

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng mối quan hệ pháp luật tranh chấp "ly hôn và nuôi con". Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng quy định.

Đối với Hội đồng xét xử, tại phiên toà Hội đồng xét xử đã thực hiện phiên toà đúng theo trình tự Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình.

Đối với đượng sự: Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với bị đơn anh Hđã được Toà án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần hai nhưng cố tình vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh Hlà phù hợp với Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh Hđã lâm vào tình trạng trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc xin ly hôn của chị Q là có căn cứ chấp nhận theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ con chung: Hiện nay cháo Lữ Ngọc H và cháu Lữ Gia B hiện đang sống với chị Q có cuộc sống ổn định và cháu Hcó nguyện vọng sống với chị Q do đó giao hai cháu B và cháu Hcho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng là có căn

cứ theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị Q không yêu cầu anh Hcấp dưỡng nên miễn xét.

Đối với tài sản chung và nợ đương sự trình bày không có nên nên đề nghị miễn xét.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn anh Lữ Minh H cư trú tại địa bàn huyện An Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn, Lữ Minh H đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xử vắng mặt bị đơn anh Lữ Minh H.

[3] Về quan hệ hôn nhân*:* Quan hệ hôn nhân giữa Chị Trần Thị Q và anh Lữ Minh H là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Bởi, hôn nhân giữa chị Q và anh Hlà tự nguyện và anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Hội đồng xét xử, xét yêu cầu xin ly hôn của Chị Trần Thị Q với anh Lữ Minh H là có cơ sở chấp nhận. Bởi, chị Q cho rằng quá trình chung sống với anh Hđến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, theo chị trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Hghen tuông vô cứ và dùng những lời lẽ thô tục xúc phạm đến chị nên chị và anh Hđã ly thân từ 2016 đến nay, từ khi ly thân đến nay đã hơn hai năm, không ai quan tâm đến ai, tự ai nấy sống. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã mời các bên lên hòa giải đoàn tụ nhưng phía anh Hvắng mặt không đến tham gia các phiên hoà giải do Toà án triệu tập và tại phiên toà anh Hcũng vắng mặt. Đều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Q và anh Hđã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q, xử cho chị Q được ly hôn với anh Hlà phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Xét thấy chị Q và anh Hcó hai người con chung tên Lữ Ngọc H, sinh ngày 19/11/2008 và Lữ Gia B, sinh ngày 22/9/2014, hiện nay hai cháu đang được chị Q nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu nuôi con của chị Q: Hội đồng xét xử, xét thấy tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình có quy định " Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

Trong trường hợp này chị Q đang nuôi dưỡng cháu Hvà cháu B, hai cháu phát triển bình thường và được đến trường học như bao đứa trẻ khác và cháu Hcó nguyện vọng sống với chị. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Hvà cháu B cho chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu Hân.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình hiện hành có quy định : "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con".

Trong trường hợp này anh Hkhông trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Q. Tuy nhiên, chị Q không yêu cầu anh Hcấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của chị Q nên Hội đồng xét xử ghi nhận anh Hkhông phải cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[8] Về phần nợ người khác và người khác nợ vợ chồng: Chị Q xác nhận không nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng nên không đề cập xem xét.

[9] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Căn cứ vào Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc chị Q phải nộp án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Hôi đồng xét xử, xét lời phát biểu của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 26, 35, 39, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 14, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Trần Thị Q được ly hôn với anh Lữ Minh H.

2/. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Lữ Ngọc H, sinh ngày 19/11/2008 và Lữ Gia B, sinh ngày 22/9/2014 cho Chị Trần Thị Q chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

3/. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của Chị Trần Thị Q không yêu cầu anh Lữ Minh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Hkhông trực tiếp nuôi con có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được ngăn cản anh thực hiện quyền này.

Khi cần thiết chị Q và anh Hcó quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

4/. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

5/. Án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng)

Buộc Chị Trần Thị Q phải nộp án phí ly hôn 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0004168 ngày 23 tháng 5 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên. (chị Q đã nộp xong tiền án phí).

Quyền kháng cáo: Án xử công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đối với anh Hvắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
-TA tỉnh;
-VKS tỉnh, huyện An Biên;
-THADS An Biên;
-Các đương sự;
-Lưu.

(Đã ký và đóng dấu)

Võ Thanh Huyến